



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Khoa: Y Dược

ĐỀ CƯƠNG
HỌC PHẦN BỆNH HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: **Dược học**

Mã số: **7720201**

Lần ban hành:

Ngày ban hành:

Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần Tiếng Việt: BỆNH HỌC	Tiếng Anh: Pathology						
- Mã số học phần: PAT1171							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Kiến thức giáo dục nghề nghiệp							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 03 (3-0) + Số tiết lý thuyết: 45 + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học : 90							
- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH Mã số HP: PAI1171							

- Yêu cầu của học phần (<i>giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu</i>) Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Nguyễn Đình Vũ
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Nguyễn Thị Huyền

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học về: Khái niệm, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng - cận lâm sàng, phương pháp điều trị, phòng một số bệnh thường gặp ở các cơ quan, hệ cơ quan của cơ thể. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị một số bệnh thường gặp và bệnh truyền nhiễm thường gặp.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR nào của CTĐT	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các bệnh lý phổ biến và đặc trưng của từng cơ quan, bao gồm các bệnh dị ứng – miễn dịch, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết và chuyển hóa, máu và cơ quan tạo máu, nhiễm trùng, và thần kinh.	PLO3	3/6
CO2	Rèn luyện cho người học các kỹ năng về các phương pháp chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các bệnh lý, từ đó có thể áp dụng vào thực tế lâm sàng.	PLO8	3/5
CO3	Giáo dục, rèn luyện cho người học ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu thêm tài liệu và cập nhật kiến thức mới về bệnh học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Từ đó sẽ học cách giao tiếp và tư vấn cho bệnh nhân về các bệnh lý, giúp họ hiểu rõ hơn về tình trạng sức khỏe của mình và các biện pháp điều trị hiệu quả.	PLO11, PLO12	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra HP BỆNH HỌC đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP BỆNH HỌC			CLOs HP BỆNH HỌC				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Trọng số (%)	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO3 [1.2.1]	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để giải thích và hệ thống hóa được các kiến thức chuyên ngành dược	3/6	CLO ₁ [1.2.1.1]	Mô tả được bản chất của bệnh, những kiến thức liên quan đến diễn biến của bệnh cũng như điều trị và phòng bệnh.	3/6		Chương 1-9
			CLO ₂ [1.2.1.2]	Vận dụng được vào việc chẩn đoán, điều trị cũng như phòng bệnh có hiệu quả.	3/6		Chương 1-9
PLO 8 (2.2.1)	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động: thăm khám, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, từ đó có cơ sở để chẩn đoán các bệnh nội khoa thường gặp trong cộng đồng	3/5	CLO ₃ [2.2.1.1]	Thực hiện được việc chẩn đoán bệnh đúng, kịp thời, nâng cao hiệu quả điều trị.	3/6		Chương 1-9
			CLO ₄ [2.2.1.2]	Thực hiện việc lựa chọn phương pháp điều trị, phòng bệnh đúng, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân.	3/5		Chương 1-9
PLO ₁₁ [3.1.1]	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng tự học tập và phát triển chuyên môn cao hơn.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Có ý thức tổ chức kỷ luật, lương tâm, đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tốt đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân	4/5		Chương 1-9

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP BỆNH HỌC			CLOs HP BỆNH HỌC				
PLO ₁₂ [3.2.1]	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.	4/5	CLO ₆ [3.2.1.2]	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự học, tự cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	4/5		Chương 1-9

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs

CLO	1.2. Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 6	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 7	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 8	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 9	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
--------------	--------------------	-----------------	--------------	--------------------	--------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra 1	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Cuối chương 9
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần: BỆNH HỌC

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Các bệnh dị ứng – miễn dịch 1. Đại cương bệnh lý dị ứng – miễn dịch 2. Các bệnh dị ứng 3. Các bệnh tự miễn	04	CLO _{1,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Chương 2. Các bệnh hô hấp 1. Đại cương bệnh lý hô hấp 2. Bệnh lý tai – mũi – họng 3. Viêm phế quản cấp 4. Viêm phế quản mạn 5. Viêm phổi 6. Hen phế quản 7. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	07	CLO _{1,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
3	Chương 3. Các bệnh tim mạch 1. Đại cương bệnh lý tim mạch 2. Suy tim 3. Thấp tim 4. Tăng huyết áp	05	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
4	Chương 4. Các bệnh tiêu hóa 1. Đại cương bệnh lý tiêu hóa 2. Loét dạ dày- tá tràng 3. Xơ gan 4. Áp xe gan do amip 5. Sỏi mật 6. Tiêu chảy và táo bón 7. Các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa	08	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
5	Chương 5. Các bệnh tiết niệu 1. Đại cương bệnh lý hệ tiết niệu 2. Viêm cầu thận cấp 3. Hội chứng thận hư 4. Suy thận cấp 5. Suy thận mạn 6. Nhiễm khuẩn tiết niệu 7. Sỏi tiết niệu	04	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, giải đáp	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống	AI.1 AI.2 A2
6	Chương 6. Các bệnh nội tiết 1. Đái tháo đường 2. Bệnh lý tuyến giáp 3. Bệnh lý vỏ thượng thận	04	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, tình huống, giải đáp, thực hành	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm, thuyết trình, tình huống, thực hành	AI.1 AI.2 A2
7	Chương 7. Các bệnh về máu và cơ quan tạo máu 1. Đại cương về máu và cơ quan tạo máu 2. Một số bệnh lý thiếu máu 3. Một số bệnh lý xuất huyết 4. Các bệnh bạch cầu	04	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, tình huống, giải đáp, thực hành	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống, thực hành	AI.1 AI.2 A2
8	Chương 8. Các bệnh nhiễm trùng 1. Những vấn đề cơ bản trong bệnh sinh các bệnh nhiễm trùng 2. Bệnh lao 4. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục 5. Viêm gan virus 6. Sốt xuất huyết Dengue	07	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, tình huống, giải đáp, thực hành	Nghe giảng, ghi chép. Làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống, thực hành	AI.1 AI.2 A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
9	Chương 9. Các bệnh thần kinh 1. Đại cương bệnh lý thần kinh 2. Động kinh 3. Parkinson 4. Tai biến mạch máu não	02	CLO _{2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát triển hướng, giải đáp, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, làm việc theo nhóm và trình bày bài thuyết trình, tình huống, thực hành, đọc tài liệu	A1.1 A1.2 A2

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Khoa Y Dược	2018	Bài giảng Bệnh học cho Dược sĩ đại học (<i>Lưu hành nội bộ</i>)	Trường Đại học Thành Đông
2	PGS.TS. Lê Thị Lyến	2022	Bệnh học	NXB Y học
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hà Nội	2022	Nội khoa cơ sở, Tập 1- 2.	NXB Y học
4	Bộ môn Nội, Trường Đại học Y Hà Nội	2022	Bài giảng bệnh học nội khoa, Tập 1- 2	NXB Y học
5	Bộ môn Nội. Trường Đại học Y Hà Nội	2022	Điều trị học nội khoa, Tập 1- 2	NXB Y học

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Bài giảng Bệnh học PPT	https://khoayduoc.thanhdong.edu.vn/	01/8/2024
2	Video bài giảng Bệnh học	https://khoayduoc.thanhdong.edu.vn/	01/8/2024

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Khu nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi		Chương 1,2,3,4,5,6,7,8,9

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học <30%	Đi học Không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:

- Số câu hỏi trong 1 đề: 04 câu (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄
- Thời gian làm bài: 90 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)

Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần

CLOs Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.1.1] - 3/6	[1.2.1.2] - 3/6	[2.2.1.1] - 3/5	[2.2.1.2] - 3/5
		<i>Kiến thức ngành</i>		<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
Chương 1	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 2	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 3	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 4	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 5	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 7	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 8	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Chương 9	ĐG CLOs	x	x	x	x
	Số câu: 04	1	1	1	1
Cộng	36	9/36	9/36	9/36	9/36

Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:

- Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (*1 CLO1, 1 CLO2, 1 CLO3, 1 CLO4*) không cùng trong 1 chương/bài.
- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề (*Các câu hỏi không lặp lại*)

Câu hỏi thi	Chương	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Chương 1-9	1	2,5	CLO1- 3/6	9
Câu 2	Chương 2-9	1	2,5	CLO2 - 3/6	9
Câu 3	Chương 1-8	1	2,5	CLO3 - 3/5	9
Câu 4	Chương 1-9	1	2,5	CLO4 - 3/5	9
Cộng		4	10		36

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đức Cam

Giảng viên

(Đã ký)

Ths. Nguyễn Đình Vũ